

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và vật liệu cơ bản với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

DCM, CTR

[Cập nhật công ty]

VRE, GMD, NT2

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

13/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,122.46	+0.58
VN30	1,115.39	+0.52
HĐTL VN30F1M	1,115.50	+0.65
HNXIndex	230.25	+0.38
HNX30	431.08	+0.90
UPCoM	85.00	+0.56
USD/VND	23,499	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.99	-4
Lãi suất qua đêm (%)	1.96	-21
Dầu (WTI, \$)	67.86	+1.10
Vàng (LME, \$)	1,963.39	+0.28



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,122.46 (+0.58%)
KLGD (triệu CP) 870.4 (+24.6%)
GTGD (triệu US\$) 742.1 (+14.2%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và vật liệu cơ bản với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (+2.0%), MSN (+0.5%), EIB (+0.7%).

HNXIndex 230.25 (+0.38%)
KLGD (triệu CP) 118.1 (-13.9%)
GTGD (triệu US\$) 76.0 (+2.4%)

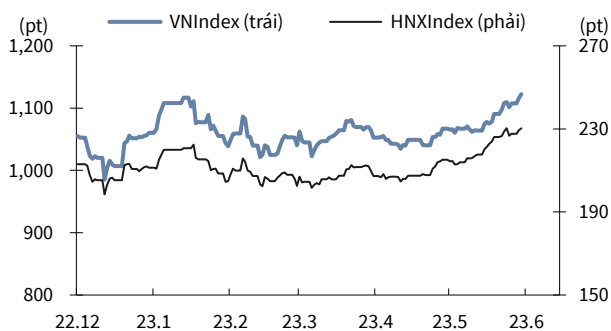
Sau 5 tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản Việt Nam chỉ đạt hơn 3.2 tỷ USD, tiếp tục giảm mạnh gần 30% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm sâu từ 10% đến 50% tại các thị trường xuất khẩu chính. Cổ phiếu ngành thủy sản giảm giá ở ANV (-2.51%), VHC (-0.64%).

UPCoM 85.00 (+0.56%)
KLGD (triệu CP) 69.0 (+16.2%)
GTGD (triệu US\$) 31.2 (+19.8%)

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, hợp đồng dầu Brent lùi 2.95 USD (tương đương 3.9%) xuống 71.84 USD/thùng, mức thấp nhất kể từ tháng 12/2021. Hợp đồng dầu WTI mất 3.05 USD (tương đương 4.4%) xuống 67.12 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở PSH (-2.4%), TDG (-1%).

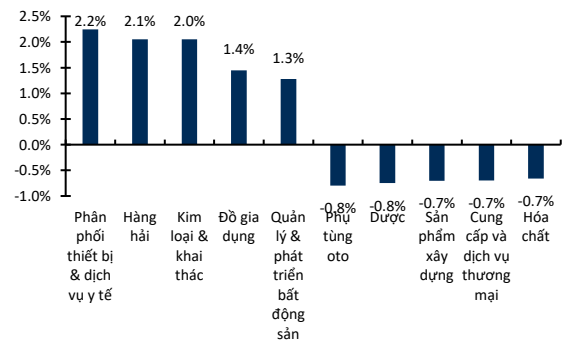
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +9.6

VNIndex & HNXIndex



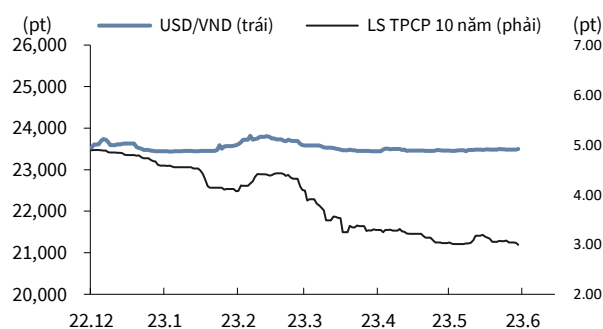
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

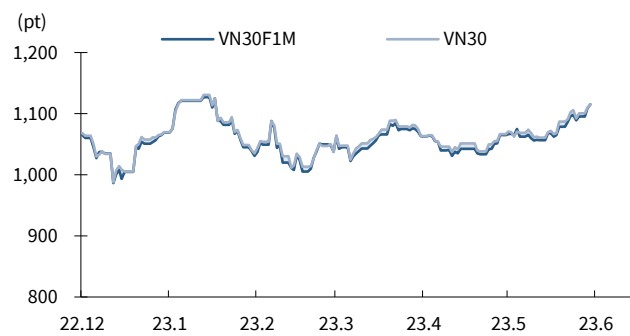
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,115.39 (+0.52%)
VN30F1M	1,115.5 (+0.65%)
Mở cửa	1,109.0
Cao nhất	1,116.5
Thấp nhất	1,106.6

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 mở cửa tại -0.73 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -1 điểm và đóng cửa tại 0.11 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

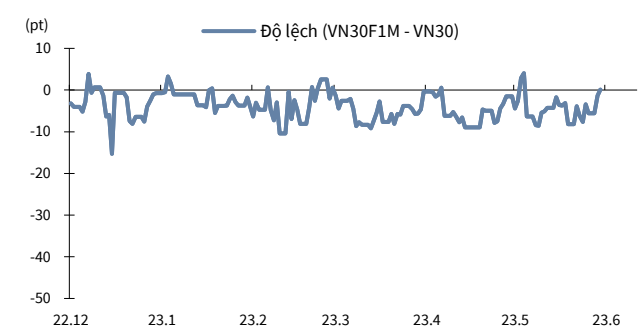
KLGD (HĐ)	184,784 (+13.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



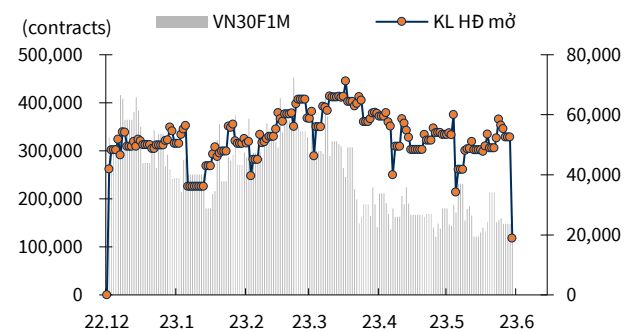
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



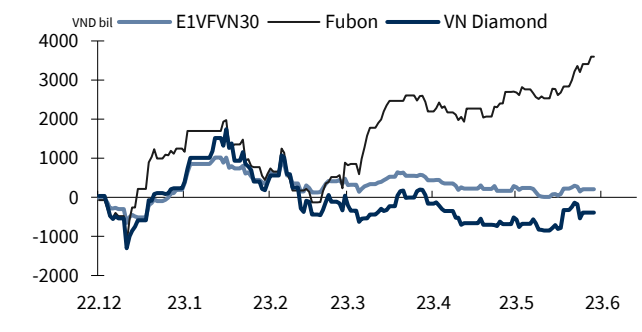
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

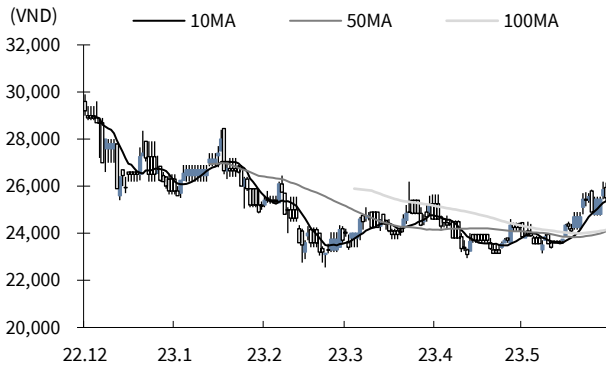
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)

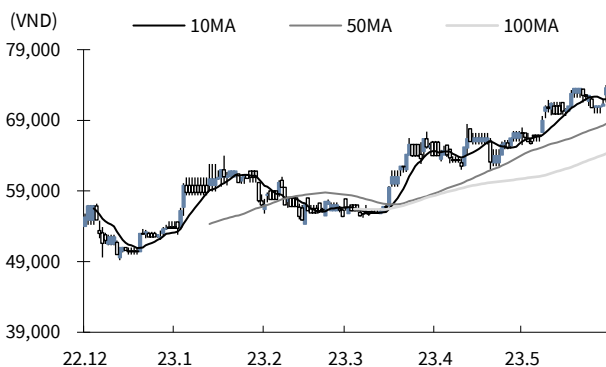


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM giảm 1.35% xuống 25,500VND/cp

- Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đặt kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận sau thuế đạt 1,383 tỷ đồng (-68% YoY) và tổng doanh thu đạt 13,458 tỷ đồng (-17% YoY). DCM cũng thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 30% và năm 2023 chia cổ tức tỷ lệ 16%.

Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (CTR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTR tăng 3.23% lên 73,600VND/cp

- Tổng công ty Công trình Viettel vừa công bố kết quả kinh doanh 5 tháng năm đầu với lợi nhuận trước thuế 238 tỷ đồng (+23% YoY) và tổng doanh thu 4,149 tỷ đồng (+21% YoY). Như vậy, Viettel Construction đã hoàn thành được 39% mục tiêu lợi nhuận và 40% kế hoạch doanh thu sau 5 tháng.

CTCP Vincom Retail (VRE)

Hiệu quả kinh doanh cải thiện mạnh sau COVID

13/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyễn
 nguyenn1@kbsec.com.vn

Doanh thu và LNST 2023 ước tính đạt lần lượt 10,027 tỉ VND (+36% YoY) và 4,472 tỉ VND (+61% YoY)

Chúng tôi cho rằng KQKD của VRE sẽ có sự tăng trưởng mạnh trong 2023 nhờ (1) tỉ lệ lấp đầy và giá cho thuê mặt bằng TTTM tăng mạnh sau giai đoạn COVID và (2) ghi nhận doanh thu từ chuyển nhượng Bất động sản từ 2 dự án shophouse tại Quảng Trị và Điện Biên trong 2023.

Giá vốn hàng bán, chi phí SG&A được tối ưu

Chi phí SG&A từ 2023 ước tính sẽ được tối ưu nhờ (1) giảm dự phòng nợ khó đòi sau COVID (đã trích lập trong 2021 và 2022) và (2) các chính sách tối ưu nhân sự, lao động. Bên cạnh đó, VRE cũng đã triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại 50 TTTM, trong 2023 sẽ bổ sung thêm hệ thống này tại 8 TTTM khác, giúp giảm 2% chi phí điện tiêu thụ, giảm giá vốn hàng bán.

VRE dự tính mở rộng thêm 800,000 m2 diện tích mặt bằng cho thuê trong tương lai

VRE lên kế hoạch bổ sung thêm 800,000 m2 diện tích sàn cho thuê trong trung và dài hạn, với số vốn đầu tư ước tính 12,300 tỉ VND, tuy nhiên việc chậm tiến độ triển khai cũng là rủi ro cần đánh giá.

Khuyến nghị MUA với VRE, giá mục tiêu 38,200 VND/cổ phiếu

Chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu VRE, ước tính giá trị hợp lý là 38,200 VND/cổ phiếu (tương ứng với mức upside 42% so với giá đóng cửa ngày 12/06/2023).

MUA

Giá mục tiêu	VND 38,200
Tăng/giảm	42%
Giá hiện tại (12/06/2023)	VND 26,900
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 36,625
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	60.9/2.6

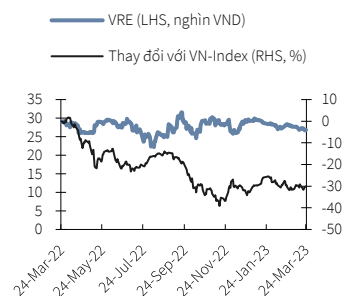
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ cổ phiếu free-float (%)	40%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	85.4/3.6
CTCP Kinh doanh Thương mại SADO	40.5%
CTCP Tập đoàn Vingroup (VIC)	18.4%

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-5%	-7%	-4%	-8%
Tương đối	-10%	-15%	-11%	1%

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,891	7,361	10,027	8,801
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	1,658	3,453	5,545	5,221
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	1,315	2,777	4,472	4,227
EPS (VND)	564	1,192	1,920	1,815
Tăng trưởng EPS (%)	-45%	111%	61%	-5%
P/E (x)	53.3	22.1	14.2	15.0
P/B (x)	2.3	1.8	1.7	1.5
ROE (%)	4%	9%	13%	11%
Tỉ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

12/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
 anhntn@kbsec.com.vn

1Q2023, GMD ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt là 902 tỷ VND (+3% yoy) và 254 tỷ VND (-20% yoy)

1Q2023 GMD đạt doanh thu 902 tỷ VND, hoàn thành 23% doanh thu kế hoạch đặt ra cho 2023. Trong đó doanh thu khai thác cảng chiếm tỷ trọng 72.6% đạt 655 tỷ VND (-11% yoy), doanh thu logistics đạt 247 tỷ VND (+72% yoy).

Doanh thu cảng của GMD trong 2023 dự kiến giảm do sự sụt giảm chung của thị trường hàng hóa thế giới

Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, xuất nhập khẩu giảm mạnh, sản lượng thông qua hệ thống cảng của GMD cũng bị ảnh hưởng tiêu cực chỉ đạt 584,000 Teu trong 1Q2023 (ước tính giảm 25% yoy), dự kiến chưa thể hồi phục ngay trong năm nay.

GMD đã hoàn tất chuyển nhượng NHĐV vào cuối tháng 5 vừa qua

Lợi nhuận trước thuế của giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải Đình Vũ ước tính khoảng hơn 2,000 tỷ VND dự kiến sẽ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính 2Q2023.

Nam Đình Vũ 2 đã đi vào khai thác cùng dự án Gemalink 2 đang triển khai và Nam Đình Vũ 3 sẽ đảm bảo quy mô và vị thế cho khối cảng của GMD trong cả trung hạn và dài hạn

Nam Đình Vũ 2 đã được đưa vào hoạt động từ tháng 5/2023 kì vọng sẽ nhanh chóng được lấp đầy nhờ sản lượng hàng từ cảng NHĐV chuyển sang. GMD đang tiếp tục xem xét tiến hành khởi công thêm dự án Nam Đình Vũ 3, cùng với Gemalink 2 dự kiến sẽ đưa vào khai thác từ 2025 đảm bảo dự địa tăng trưởng cho GMD trong trung và dài hạn.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 63,000 VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng doanh nghiệp và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GMD với mức giá mục tiêu là 63,000 VND/cổ phiếu, cao hơn 22.1% so với giá đóng cửa ngày 12/06/2023.

Mua duy trì

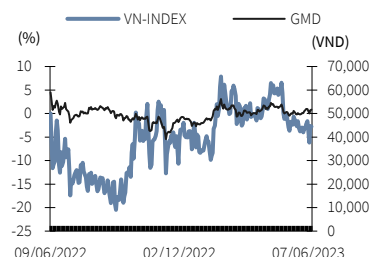
Giá mục tiêu	63,000VND
Tăng/giảm (%)	22.1%
Giá hiện tại (12/06/2023)	51,600VND
Giá mục tiêu đồng thuận	59,130VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ triệu USD)	15.55/662

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	95.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	44,486
Sở hữu nước ngoài (%)	37.5%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH SSJ Consulting (9.85%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5	1	10	-13
Tương đối	1	-5	4	-3

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)				
	3,206	3,916	3,952	4,298
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	861	1,357	1,357	1,611
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	612	995	2,499	1,131
EPS (VND)	1,869	3,037	8,306	3,022
Tăng trưởng EPS	63%	62%	174%	-64%
P/E (x)	24.3	17.0	6.2	13.8
P/R (x)	2.0	1.7	1.9	1.8



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao

13/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
 thuannnd@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 1Q2023 tăng trưởng tích cực

Doanh thu thuần 1Q2023 của NT2 đạt 2,182 tỷ VND (+8.8% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 233.82 tỷ VND, tương đương 49.4% kế hoạch năm. Trong Quý 1/2023, sản lượng điện thương phẩm đạt 1074.8 triệu kWh (+8% yoy). Sản lượng Qc đạt 1039.8 triệu kWh, chiếm khoảng 97% sản lượng điện thương phẩm của NT2. Kết quả tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu điện cao, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thủy điện giảm xuống.

Trong 4Q2022, NT2 bỏ trích lập dự phòng nợ xấu với EPTC khiến LNST tăng mạnh

NT2 có ghi nhận một khoản trích lập khoảng 198 tỷ VND dự phòng đối với EPTC trong nửa sau 2022. Tuy nhiên, khoản này sau đó đã được hoàn lập trong công bố về cập nhật báo cáo tài chính 4Q2022 khiến LNST 2022 của NT2 đạt 883 tỷ VND (+65% YoY), thay vì 729 tỷ (+37%) so với trước khi hoàn lập. Theo đó, dự phóng của chúng tôi cũng sẽ thay đổi vì khoản dự phòng này đã được hoàn lập vào năm 2022.

Nhu cầu phụ tải dự báo sẽ tăng, đặc biệt vào mùa nắng nóng

Theo EVN, nhu cầu điện của hệ thống điện quốc gia đã tăng lên mức kỷ lục mới vào ngày 06/05/2023, tương đương 895 triệu kWh (+12.34% YoY). Công suất tiêu thụ cực đại đạt 43,0300 MW (+9.12% YoY), cao nhất kể từ đầu năm. Nhu cầu phụ tải điện đăng có xu hướng tăng cao, đặc biệt là vào mùa nắng nóng.

Khuyến nghị **NẮM GIỮ** với giá mục tiêu 35,100 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu NT2. Giá mục tiêu là 35,100 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 8.6% so với giá tại ngày 12/06/2023.

NẮM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu	VND 35,100
Tăng/giảm (%)	8.6%
Giá hiện tại (12/06/2023)	32,400
Giá mục tiêu thị trường	32,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,140.1

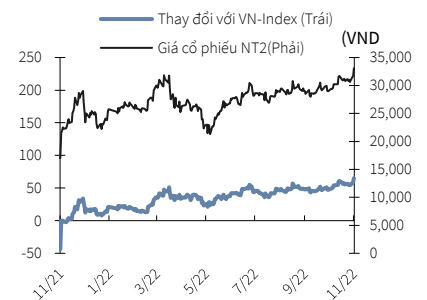
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	30%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	18.6
Sở hữu nước ngoài (%)	16.04%
Cổ đông lớn	PV Power (59.4%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	14	14	54	53
Tương đối	13	12	41	65

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	6,150	8,788	8,556	8,872
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	559	957	705	797
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	534	883	720	768
EPS (VND)	1,756	2,992	3,732	3,982
Thay đổi EPS (%)	-16.2	70.4	24.7	6.7
P/E (x)	14.4	9.7	9.4	8.8
P/B (x)	1.2	1.2	1.4	1.3
ROE (%)	12.6	19.1	14.9	15.2
Tỷ suất cổ tức (%)	11.8	8.5	8.0	8.5

Nguồn: Bloomberg, KBSV

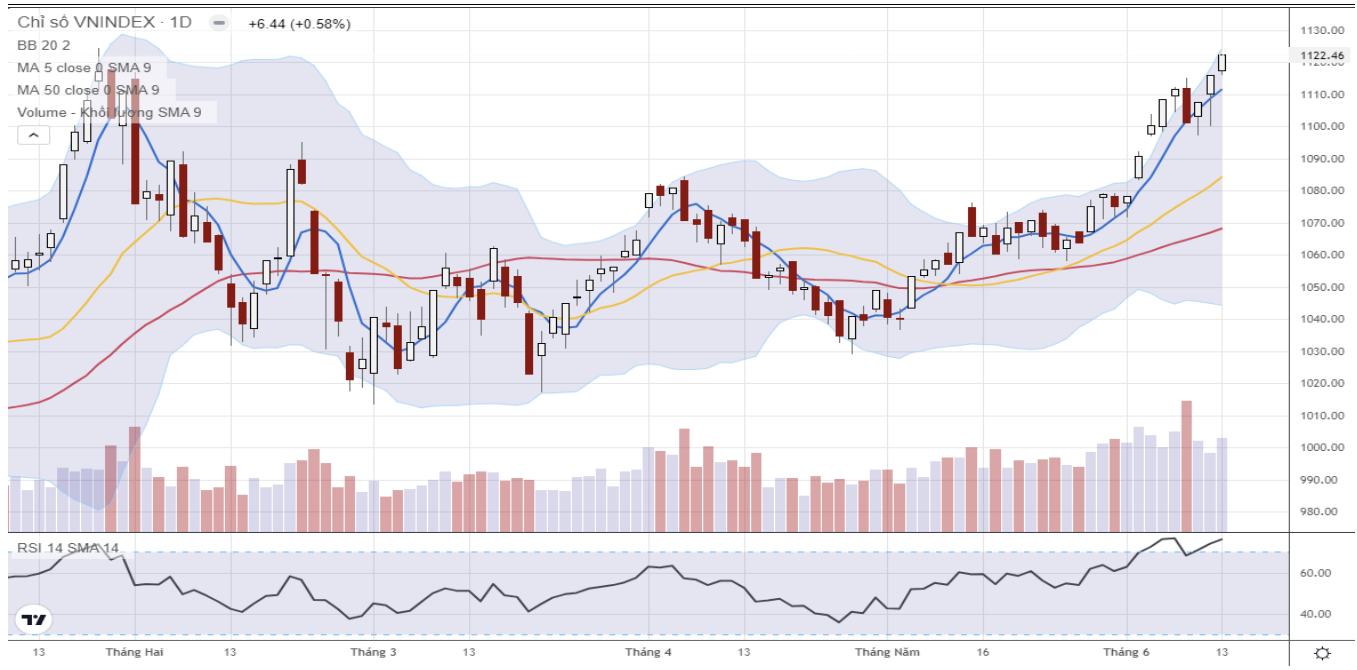


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

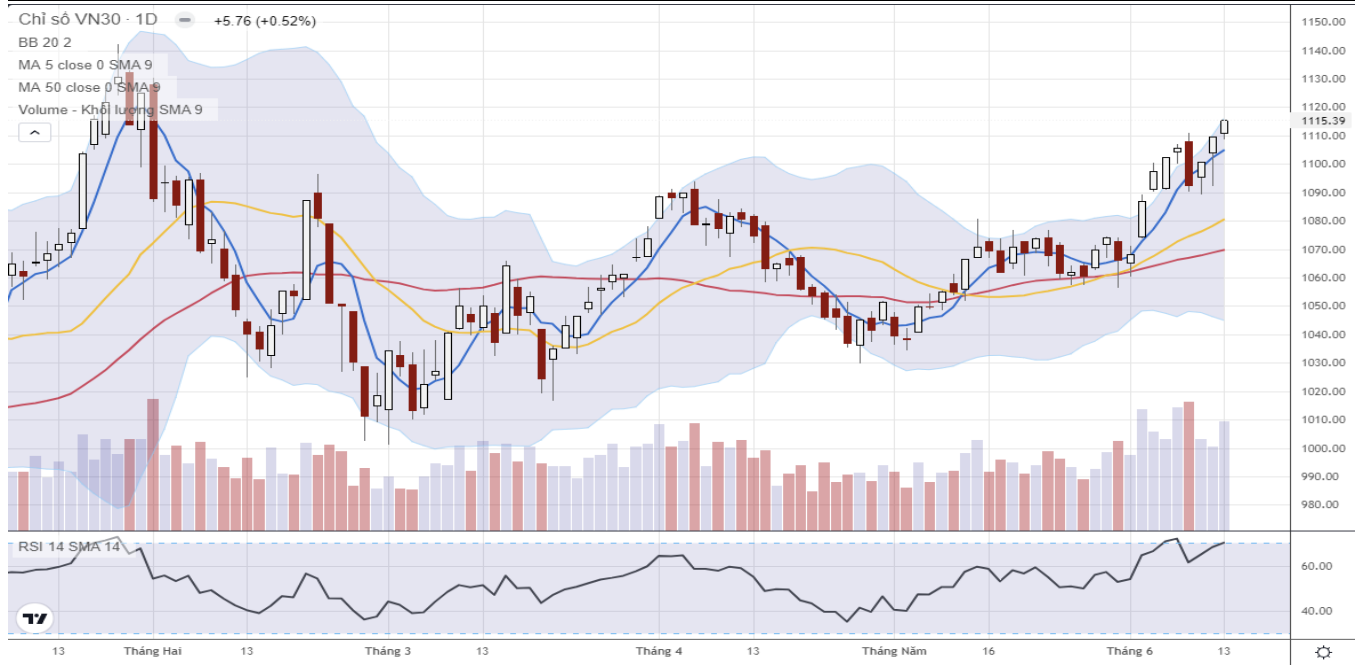
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



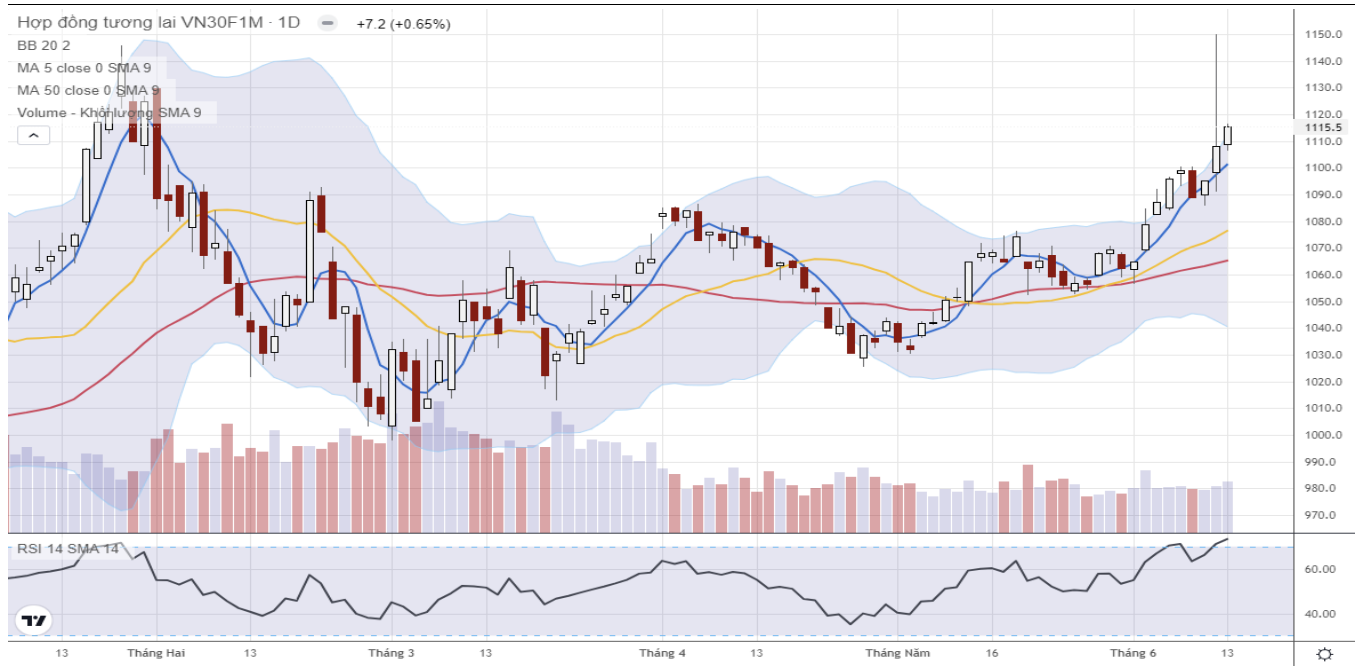
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX mở cửa với mức tăng nhẹ, diễn biến linh xình trong phiên trước khi mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Sau khi bứt phá thành công khởi dài đi ngang, chỉ số đang duy trì đà tăng điểm và dần tiếp cận lại vùng đỉnh ngắn hạn đầu năm. Chúng tôi cho rằng cơ hội mở rộng xu hướng tăng ngắn hạn vẫn đang khả quan mặc dù sau khi chớm vượt vùng đỉnh quanh 1124, chỉ số có thể sẽ phải trải qua một nhịp điều chỉnh.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1128 – 1133

Kháng cự gần: 1121 – 1123

Hỗ trợ gần: 1107 – 1110

Hỗ trợ xa: 1095 – 1100

- F1 mở cửa với mức tăng nhẹ, diễn biến linh xình trong phiên trước khi mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Sau khi bứt phá thành công khỏi dải đi ngang, chỉ số đang duy trì đà tăng điểm và dần tiếp cận lại vùng đỉnh ngắn hạn đầu năm. Chúng tôi cho rằng cơ hội mở rộng xu hướng tăng ngắn hạn vẫn đang khả quan mặc dù các phiên điều chỉnh sẽ xuất hiện tại quanh vùng đỉnh 1130.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

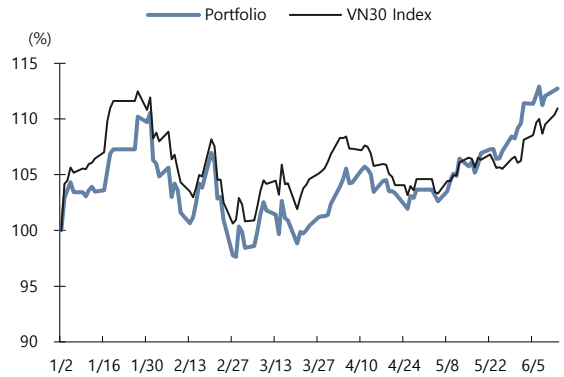
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.52%	0.17%
Tăng lũy kế (YTD)	10.96%	12.75%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,000	0.0%	11.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	25,350	0.0%	21.0%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,300	1.1%	27.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,150	-1.4%	3.1%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,150	0.8%	12.0%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,400	-0.6%	247.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,300	-0.4%	49.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,000	0.1%	28.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,400	2.0%	110.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	27,900	0.0%	171.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	2.0%	24.2%	143.3
MSN	0.5%	30.0%	69.9
EIB	0.7%	6.0%	62.1
HSG	4.2%	15.5%	45.8
SSI	0.0%	43.4%	44.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	-0.5%	17.3%	-69.2
VNM	-0.4%	54.6%	-66.9
BCM	-0.7%	2.8%	-40.5
VRE	1.5%	33.2%	-30.4
PC1	-3.4%	7.7%	-27.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-1.1%	1.1%	32.3
SHS	3.9%	5.9%	24.2
DTD	-1.0%	6.9%	6.8
CEO	1.2%	4.7%	5.6
TNG	-2.0%	15.9%	4.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	0.0%	8.6%	-1.0
EID	0.9%	0.0%	-1.0
BVS	0.0%	6.4%	-0.9
VCS	0.4%	2.8%	-0.7
IVS	4.4%	71.8%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dược	9.7%	DHG, IMP, TRA, DBD
Sản phẩm xây dựng	9.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Kim loại & khai thác	7.3%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thiết bị điện	5.9%	GEX, SAM, CAV, RAL
Bán lẻ hàng chuyên dụng	3.5%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-1.9%	PLX, PGC, CNG, GSP
Chứng khoán	-1.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích khí	-1.1%	GAS, PGD, PMG
Hàng không dân dụng	-1.1%	VJC, HVN
Công nghệ	-1.1%	FPT, CMG, ELC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	13.4%	VPG, TSC, BTT, TNA
Dược	13.3%	DHG, IMP, TRA, DBD
Thiết bị điện	13.3%	GEX, SAM, CAV, RAL
Sản phẩm xây dựng	12.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hóa chất	11.2%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-6.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-3.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Bảo hiểm	-1.8%	BVH, MIG, BIC, BMI
Đồ uống	-1.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vận tải hàng không & Logistics	-0.7%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	100,030 (4.3)	22.5	73.0	66.7	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	1.3	1.7	4.6	0.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	91,694 (3.9)	26.6	8.0	7.4	35.9	19.4	17.9	1.4	1.2	2.3	3.1	10.7	18.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	88,391 (3.8)	17.8	15.6	14.0	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	1.5	-0.9	-3.7	3.0
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	338,723 (14.4)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	6.8	14.7	13.9	11.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	65,767 (2.8)	11.6	23.2	16.5	13.7	8.1	11.3	1.8	1.6	0.3	2.9	1.2	15.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	269,680 (11.5)	13.9	35.4	26.7	-	2.8	3.6	-	-	1.4	-2.7	-1.0	13.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	66,961 (2.9)	6.3	14.3	12.4	11.7	23.0	21.0	2.8	2.3	1.5	3.5	10.5	28.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	36,964 (1.6)	12.7	11.6	9.6	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	1.6	-1.0	-1.4	14.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	148,416 (6.3)	0.0	5.7	5.0	14.3	16.4	15.7	0.9	0.7	0.3	0.3	11.9	26.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	120,346 (5.1)	1.4	8.3	6.9	50.3	16.4	17.2	1.1	1.0	-0.4	-1.4	-0.4	3.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	210,751 (9.0)	0.0	8.8	6.7	18.8	12.6	12.5	1.1	0.9	-0.5	-1.8	-1.3	8.9
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	206,858 (8.8)	0.0	5.0	4.3	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	-0.2	-0.7	8.8	18.7
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	41,936 (1.8)	4.2	4.6	4.5	23.3	24.2	20.7	1.0	0.9	1.1	-3.1	-4.1	16.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	455,994 (19.4)	14.0	7.5	4.4	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	0.0	-0.4	5.2	25.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	140,102 (6.0)	0.0	6.3	5.5	37.4	20.0	19.6	1.1	0.9	-1.4	-2.1	7.3	20.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	125,804 (5.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.7	2.6	11.1	-7.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	33,275 (1.4)	21.0	16.2	14.5	15.8	10.1	10.6	1.6	1.5	1.1	0.1	-2.2	-3.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,298 (0.4)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	4.4	1.2	8.8	14.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	484,282 (20.6)	55.4	21.0	17.0	-3.2	8.3	10.2	-	-	0.0	0.8	9.0	43.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	162,852 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.2	-2.6	3.8	47.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	165,864 (7.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.9	-5.6	0.4	30.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	602,260 (25.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.1	-3.4	17.7	38.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	165,152 (7.0)	42.1	16.2	14.9	4.0	29.0	31.2	4.3	4.2	-0.4	1.8	-2.9	-11.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,359 (0.8)	36.9	22.6	20.6	7.3	21.2	21.5	3.9	4.3	-0.1	1.1	-1.3	-3.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	87,527 (3.7)	16.5	33.4	16.7	-51.9	8.0	12.9	3.9	3.0	0.5	7.1	5.9	-15.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,721 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	2.8	9.5	-2.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	77,488 (3.3)	11.0	83.4	45.3	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.1	-1.2	-0.7	-11.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,068 (1.6)	10.8	12.5	16.4	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	-1.2	-1.9	3.9	12.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	156,965 (6.7)	38.4	14.1	11.4	65.7	2.4	3.8	0.8	0.9	1.4	-2.5	16.2	36.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	332,249 (14.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.8	5.3	29.8	52.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	38,352 (1.6)	3.6	25.0	21.0	-52.4	2.5	2.8	-	-	-2.6	2.3	5.3	106.7
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	45,727 (1.9)	0.0	11.0	10.5	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	1.1	-0.5	9.3	1.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	47,403 (2.0)	46.1	15.6	15.5	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	0.1	-1.2	1.6	-7.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,110 (0.9)	31.4	11.9	11.7	-10.5	15.1	17.1	2.0	2.0	-1.2	-4.5	2.7	10.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,523 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-2.9	2.4	8.4	32.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	452,880 (19.3)	18.0	14.9	10.9	21.9	9.2	11.6	1.3	1.2	2.0	7.6	4.7	30.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	80,389 (3.4)	36.5	8.8	10.1	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	-0.3	1.5	0.0	-22.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	83,145 (3.5)	46.5	11.5	8.5	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.3	-1.4	0.4	5.2	-3.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	274,164 (11.7)	38.9	-	14.2	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	4.2	6.8	5.5	48.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	67,951 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	-0.4	7.0	68.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,972 (1.1)	4.6	15.9	14.0	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.8	0.3	-2.2	1.3	20.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	132,987 (5.7)	39.9	19.1	12.8	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	1.9	-1.4	6.2	33.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	64,714 (2.8)	35.9	7.5	6.5	2.2	14.8	15.0	1.0	0.9	0.0	-2.8	1.2	-4.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	126,772 (5.4)	0.0	21.9	12.0	14.4	11.1	18.3	2.4	2.2	0.0	2.9	10.3	0.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	35,671 (1.5)	0.0	13.7	11.1	2.4	20.5	22.0	2.5	2.1	1.1	0.7	-2.3	-18.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,640 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	11.2	31.7	61.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	49,749 (2.1)	30.3	48.1	19.9	-75.2	-	14.1	3.6	3.0	-0.3	8.0	11.1	3.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,684 (1.4)	34.6	10.7	10.7	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	0.3	-1.4	9.6	17.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,600 (0.3)	45.4	13.2	12.2	10.7	25.6	24.6	3.3	2.8	-0.9	12.1	16.2	48.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	73,302 (3.1)	0.0	15.6	12.9	15.5	27.5	27.9	3.8	3.3	-0.6	-1.1	4.8	9.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoả phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anh1d@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.